

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T TỈNH
LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Bà Nguyễn Ngọc N

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Minh C, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: 580, ấp Phú K, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Bến T

2. *Bị đơn:* bà Võ Thị Kim X, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: ấp Nguyễn K, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Ông Lê Minh C và bà Võ Thị Kim X tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Túc, huyện Châu T, tỉnh Bến T. Sau khi kết hôn, giữa ông C và bà X chung sống với nhau rất hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay thì mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa

hợp, thường hay cãi vã. Ông C và bà X đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Năm 2015, bà X có làm xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T để ly hôn với ông C. Tuy nhiên, thời điểm này con chung còn nhỏ nên ông C và bà X quyết định hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bà X rút đơn nên Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T đã đình chỉ việc giải quyết vụ án ly hôn vào năm 2015. Sau đó, ông C và bà X vẫn tiếp tục mâu thuẫn và không sống chung với nhau do bà X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Long A sinh sống, không chịu hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, ông C xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai bên. Do đó, ông C yêu cầu được ly hôn với bà X.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông C và bà X có 02 con chung tên Lê Trung C, sinh ngày 25/4/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 27/9/2010. Con chung do bà X trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ông C và bà X sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, ông C đồng ý để bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Võ Thị Kim X: Bà X vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn”, căn cứ xác nhận của chính quyền địa phương và tài liệu chứng cứ ông Lê Minh C giao nộp thể hiện bà Võ Thị Kim X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Nguyễn Khỏe, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân T, tỉnh Long A, nhưng sinh sống và cư trú tại ấp Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân T, tỉnh Long A. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm ông C xin ly

hôn, chính quyền địa phương xác nhận bà X và hai con vắng mặt ở địa phương, đi làm ở đâu không rõ từ tháng 02 năm 2022. Bà X không cung cấp cho ông C địa chỉ hiện nay, ông C không liên lạc được với bà X. Người thân thích của bà X chỉ cung cấp thông tin bà X đi làm ở Bình D nhưng không rõ ở đâu. Vì vậy, có cơ sở xác định việc bà X vắng mặt tại nơi cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng của Tòa án cho bà X, đồng thời xét thấy việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án không đảm bảo cho bà X biết được việc niêm yết nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ Luật TTDS về việc thụ lý vụ án, về thời gian giải quyết vụ án trên Báo Công Lý 03 kỳ liên tiếp; thông báo trên Đài Tiếng Nói Việt Nam 03 kỳ liên tiếp. Tuy nhiên, bà X vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về phía ông Lê Minh C, là nguyên đơn trong vụ án, ông C hiện đang bị bệnh gout (gout) nặng, bị biến dạng xương khớp, ảnh hưởng đến khả năng vận động nên ông C đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: ông C và bà X kết hôn tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Túc, huyện Châu T, tỉnh Bến T, vào sổ đăng ký kết hôn số 33 Quyển số 01 ngày 16/4/2007 nên hôn nhân của ông C và bà X là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân của ông C và bà X, theo trình bày của C cũng như tài liệu, chứng cứ ông C đã nộp kèm theo đơn khởi kiện thể hiện: sau khi kết hôn, ông C và bà X chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2015, ông C và bà X chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường hay cãi vã. Ông C và bà X đã sống ly thân với nhau. Trong năm 2015, bà X có làm đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T để ly hôn với ông C. Tuy nhiên, thời điểm này con chung còn nhỏ nên ông C và bà X quyết định hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bà X rút đơn nên Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến T đã đình chỉ việc giải quyết vụ án ly hôn tại quyết định đình chỉ số 69/2015/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2015. Tuy nhiên, sau đó giữa ông C và bà X vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Bà X bỏ về quê nhà tại xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A để sinh sống từ năm 2015. Đến tháng 02 năm 2022 bà X đi khỏi địa phương để đi làm ăn. Như vậy, ông C và bà X đã không còn chung sống với nhau đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc, giữ mối liên lạc gì với nhau. Bà X vắng mặt

trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông C và bà X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông C yêu cầu được ly hôn với bà X là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: ông C và bà X có 02 con chung tên Lê Trung C, sinh ngày 25/4/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 27/9/2010. Con chung do bà X trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ông C và bà X sống ly thân cho đến nay. Hai con chung chưa thành niên trên 07 tuổi nhưng do bà X trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án không làm việc được với con chung của ông C và bà X. Tuy nhiên, xét thấy ông C vẫn đồng ý để bà X được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Xét thấy con chung do bà X trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bà X và ông C sống ly thân cho đến nay. Đồng thời, xét thấy hiện nay ông C đang bị bệnh gút (gout) nặng, bị biến dạng xương khớp, khó khăn trong vận động và gặp các biến chứng khác của bệnh gút nặng. Do đó, ông C không giành quyền nuôi con, vẫn để con chung do bà X trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở căn cứ. Các vấn đề về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nếu các đương sự có tranh chấp vẫn được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[2.4] Về tài sản chung: ông C không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ông C phải chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 180, điểm khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh C:

Về hôn nhân: ông Lê Minh C được ly hôn với bà Võ Thị Kim X.

Về con chung: bà Võ Thị Kim X được quyền trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung tên Lê Trung C, sinh ngày 25/4/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 27/9/2010. Sau khi ly hôn, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về chi phí tố tụng: ông Lê Minh C phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: ông Lê Minh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0004380, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Tân T;
- THADS huyện Tân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc A